

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 27-02-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tiến Sỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hoa.

Ông Siu Tư Lul.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Đặng H, sinh năm 1978 và bà Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Làng A, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Bà và vợ chồng ông Đặng H, bà Hoàng Thị Ngọc L có mối quan hệ quen biết, ông H và bà L có vay tiền của bà lần lượt như sau: Ngày 25/12/2006, ông Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L vay 859.000.000 đồng; ngày 12/5/2017 ông H và bà L mượn thêm 15.000.000 đồng và ngày 28/6/2017 ông H và bà L vay 05 tạ cà phê nhân có giá trị là 23.500.000 đồng. Tổng cộng toàn bộ số tiền ông H và bà L có nợ là 897.500.000 đồng. Đến ngày 15/8/2017, ông H và bà L đã trả cho

bà số tiền 550.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 347.500.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông bà trả số nợ còn thiếu nhưng ông H bà L không trả, do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H bà L trả một lần số nợ 347.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai đề ngày 06/12/2017, ngày 21/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L trình bày:*

Ông bà công nhận theo giấy nhận nợ ngày 25/12/2016 ông bà có nợ của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 859.000.000đ; ngày 12/5/2017 ông bà có mượn thêm 15.000.000 đồng và ngày 28/6/2017 có vay 05 tạ cà phê nhân với giá là 23.500.000 đồng để đầu tư vào rẫy cà phê và tiêu. Tổng cộng chúng tôi có nợ của bà T số tiền 897.500.000 đồng. đến ngày 15/8/2017, ông bà đã trả cho bà T số tiền 550.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền 347.500.000 đồng.

Ông bà cho biết hoàn cảnh kinh tế khó khăn, rẫy tiêu chết, giá tiêu và cà phê quá thấp nên không có khả năng thanh toán nợ cho bà T. Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa ông bà đều công nhận có nợ bà T số tiền 347.500.000 đồng và đề nghị trả cho nguyên đơn 500.000đồng/tháng cho đến khi trả hết số nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Ngày 12/10/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện:

Theo giấy vay tiền đề ngày 25/12/2016 ghi “vợ chồng Loan Hữu ở làng Amo, huyện Chư Sê có vay số tiền của chị Tâm là 859.000.000đ (tám trăm năm mươi chín triệu đồng) hứa vào tháng 7/2017 trả đủ”. Theo giấy ký nhận nợ ngày 12/5/2017 ghi “ông Đặng H có nợ chị T 15.000.000đ, hẹn 01 tháng trả”; ngày 28/6/2017 thể hiện “L H có nợ 05 tạ cà nhân, hẹn tháng 9/2017 trả đủ”. Tuy nhiên đến ngày theo cam kết bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, do đó ngày 12/10/2017, nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nên đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê giải quyết theo thẩm quyền.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T với bà Hoàng Thị Ngọc L, ông Đặng H cùng ký kết hợp đồng vay tiền với hình thức giấy vay tiền, nhận nợ, giấy thỏa thuận cán trừ nợ là có thật. Các bên thoả thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực

hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền, nhận nợ và giấy thỏa thuận cần trừ nợ có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét tranh chấp giữa các bên.

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại các bản tự khai, biên bản phiên họp chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L đều thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị Thanh T tổng cộng số tiền 897.500.000 đồng, đã trả được 550.000.000đ, hiện nay còn nợ lại số tiền 347.500.000 đồng.

Mặc dù hai bên đã thống nhất về số nợ nhưng không thỏa thuận được thời gian phương thức thanh toán, về phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số nợ trên; còn về phía bị đơn đề nghị vì hoàn cảnh khó khăn nên xin trả cho nguyên đơn 500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ.

Như vậy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với Điều 463; 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 347.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

[5] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Ông Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Buộc bị đơn là ông Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 347.500.000đ (*ba trăm, bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## 2. Về án phí:

Buộc bị đơn là ông Đặng H và bà Hoàng Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $347.500.000đ \times 5\% = 8.687.500đ$  (*tám triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.687.500đ (*tám triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001538 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

## 3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/02/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự (03 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Tiến Sỹ**